TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 815/2022/DS-PT
Ngày: 23 - 12 - 2022
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản ".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hồng Giảng

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thủy

Bà Nguyễn Thị Thanh Hiền.

Thư ký phiên tòa: Bà Trương Nguyễn Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23/12/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 268/DSPT ngày 05/10/2022, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 261/2022/DS-ST ngày 27/6/2022 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5726 /QĐXXPT-DS ngày 11 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm: 1976. (có mặt)

Địa chỉ: 3/3 đường H, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Bích C, sinh năm 1975; Địa chỉ: 9.13 C/c Huỳnh Thiện Lộc phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú và ông Lâm C1, sinh năm 1964; Địa chỉ: Tổ 1, Thanh Đông, Cẩm Thanh, Hội An, tỉnh Quảng Nam. (Văn bản ủy quyền ngày 10/12/2022) (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Bùi Trung L1, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Bị đơn: Bà Lê Thị Thúy N, sinh năm: 1994.

Địa chỉ: 1A đường B, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Ông Huỳnh Công Đ, sinh năm 1985; Số CCCD: 0800850074. (có mặt) hoặc ông Phan Quốc D, sinh năm 1970; Số CCCD: 0790700033 (vắng mặt) (Văn bản ủy quyền ngày 28/11/2022).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Hà Thị Kim T, sinh năm: 1978. (vắng mặt)

Địa chỉ: 59A đường P, phường N, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/3/2021 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn L trình bày:

Do mối quan hệ bạn bè, ông L đã nhiều lần cho bà Lê Thị Thúy N mượn tiền và chốt nợ 6.000.000.000đ (Sáu tỷ đồng), theo Hợp đồng vay tiền ngày 17/12/2019; Thời hạn vay 06 tháng tính từ ngày 17/12/2019. Vì số nợ này là do bà N vay mượn nhiều lần và hai bên đã thỏa thuận trong các giấy vay nợ trước đó lãi suất là 20%/năm, bà N hứa sẽ trả hết vốn và lãi cho ông trong thời gian một tháng nên ông không tính lãi một tháng, nhưng hết hạn bà N vẫn không trả cho ông bất cứ khoản tiền nào, trong khi số tiền mà ông lãnh nợ cho bà N ông phải trả lãi suất 3% đến 5%/tháng.

Bà N hứa nhiều lần nhưng vẫn không trả nên ông L đã khởi kiện và được Tòa án nhân dân quận Bình Tân thụ lý vụ án vào ngày 27/11/2020. Trong thời gian Tòa thụ lý giải quyết vụ án bà N hứa sẽ trả nợ cho ông L nếu ông L rút đơn khởi kiện, vì tin tưởng nên ông L đã rút đơn và Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án ngày 18/01/2021. Sau khi ông L rút đơn hai bên đã lập Văn bản thỏa thuận (về việc giải quyết công nợ) vào ngày 25/01/2021. Theo văn bản thỏa thuận ngày 25/01/2021 thì ông L đồng ý nhận 2 miếng đất ở Cần Giờ tại thửa số 553, tờ bản đồ 173 và thửa số 554, tờ bản đồ 173 xã L, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh do bà N chuyển cho bà Hà Thị Kim T đứng tên theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 00018989 ngày 25/9/2020 và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 00018990 ngày 25/9/2020 tại Văn phòng công chứng Đ, Thành phố Hồ Chí Minh để cấn trừ một phần nợ.

Tại biên bản thỏa thuận hai bên không ghi giá 2 miếng đất trên, nhưng ông và bà N thống nhất cấn trừ nợ là 1.600.000.000 đồng. Để tạo điều kiện cho bà N trả nợ, ông L giảm nợ cho bà N 900.000.000 đồng nếu bà N trả nợ đúng theo cam kết đã thỏa thuận nên số tiền trong văn bản thỏa thuận ngày 25/01/2021 hai bên chốt nợ là 3.500.000.000 đồng. Tuy nhiên, từ khi ký biên bản chốt nợ đến nay thì bà N chỉ trả cho ông L được 500.000.000 đồng, ông đã nhiều lần liên hệ đòi nhưng bà N không trả (không thực hiện biên bản thỏa thuận). Sau đó bà N có văn bản yêu cầu hủy Văn bản thỏa thuận (về việc giải quyết công nợ) ngày 25/01/2021.

Do bà N vi phạm thỏa thuận trả nợ và yêu cầu hủy Văn bản thỏa thuận nên ông L khởi kiện yêu cầu bà N trả cho ông số tiền theo hợp đồng vay ngày 17/12/2019 sau khi trừ đi 500.000.000 đồng bà N trả vào ngày 25/01/2021 và số tiền cấn trừ 2 miếng đất ở Cần Giờ là 1.600.000.000 đồng.

Theo thỏa thuận thì bà N và bà Thâu cam kết sang tên 2 miếng đất trên cho ông L nhưng bà N và bà Thâu bỏ đi khỏi địa phương và không thực hiện thỏa

thuận nên ngày 18/5/2021 ông Nguyễn Văn L có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu bà Lê Thị Thúy N trả thêm số tiền 1.600.000.000 đồng mà ông L và bà N thỏa thuận cấn trừ 2 miếng đất trên và tiền lãi. Tổng số tiền gốc và lãi là 2.027.520.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn L rút yêu cầu khởi kiện bổ sung này.

Như vậy, nay ông L yêu cầu bà N trả cho ông số tiền là 3.900.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất là 20%/năm, tính từ ngày 01/7/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm. Tiền lãi do chậm thi hành án thì đề nghị Tòa án tuyên theo quy định của pháp luật. ông L yêu cầu bà Lê Thị Thúy N trả toàn bộ số tiền gốc và lãi ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Khoản tiền ông L cho một mình bà N vay nên chỉ yêu cầu một mình bà N trả, không liên quan đến ông Lê Nhật Tân (ông Tân sống như vợ chồng với bà N, không đăng ký kết hôn).

Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án ông L có yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời buộc phong tỏa tài khoản của bà Lê Thị Thúy N.

Bị đơn là bà Lê Thị Thúy N và đại diện hợp pháp theo ủy quyền trình bày:

Bà Lê Thị Thúy N có tham gia chơi cá độ với ông Nguyễn Văn L nhưng toàn thua nên phải trả tiền cho ông L từ số tài khoản của bà N là 060092676539 cho ông Nguyễn Văn L số tài khoản 060004321491 tại Ngân hàng Sacombank, tổng số tiền bà N đã chuyển cho ông L từ năm 2017 đến 2019 là 1.406.000.000 đồng, chưa kể thanh toán bằng tiền mặt cho ông L gần 2.000.000.000 đồng mà vẫn thiếu nợ.

Số nợ bà N nợ ông L đến ngày 17/12/2019 gồm các khoản sau: Tiền cờ bạc thua cá độ bóng đá: 1.235.000.000 đồng; Tiền vay: 500.000.000 đồng (không có lãi); Tiền bảo lãnh trả thay là 3.000.000.000 đồng cho các thừa kế chồng bà N (nếu ông L phải trả). Tổng cộng: 4.735.000.000 đồng và hai bên ông L và bà N thống nhất ký làm tròn 6.000.000.000 đồng, trong đó có gần 1.300.000.000 đồng bà N hứa cho ông L với lý do là ông L không được nói cho nhà chồng bà N biết việc bà N cờ bạc và lợi dụng ông L để lấy tiền chồng bà tiêu xài. Thực tế ông L chỉ cho bà N mượn 500.000.000 đồng không tính lãi. Nhưng phải giữ uy tín nên bà N trả miếng đất ở C trị giá 2.200.000.000 đồng và 500.000.000 đồng. Như vậy, tính đến ngày 25/01/2021 bà N đã trả cho ông L là: 2.700.000.000 đồng. Ngày 25/01/2021, bà N ra công chứng lập văn bản thỏa thuận giải quyết công nợ và ông L giảm cho bà 900.000.000 đồng.

Do đó, bà N có ý kiến yêu cầu Tòa án tuyên hủy giấy nợ ngày 17/12/2019 được xác lập giữa bà Lê Thị Thúy N và ông Nguyễn Văn L vì Hợp đồng cho vay tài sản này là giả cách trái với luật pháp hiện hành và đạo đức xã hội, công nợ giả tạo từ cờ bạc và nợ có điều kiện. Về xử lý tài sản hợp đồng trái pháp luật, bà N phải trả ông L 500.000.000 đồng, đã trả rồi và bà N không phải trả tiền cờ bạc còn thiếu 1.235.980.000 đồng vì là tiền bất hợp pháp. ông L phải trả lại cho bà N giá trị miếng đất ở Cần Giờ 2.200.000.000đ, còn tiền cờ bạc bà N đã trả cho ông L 1.435.980.000 đồng, yêu cầu ông L trả lại cho bà N.

Quá trình giải quyết vụ án bà N có cung cấp Vi bằng số 1049/2021/VB-TPL do Văn phòng Thừa phát lại Quận 5 lập ngày 03/6/2021 có nội dung tin nhắn thể hiện việc giao dịch cờ bạc qua lại với một người tên Linh theo số điện thoại +84765792737 và có các yêu cầu phản tố sau:

- Ngày 12/12/2021, bà Lê Thị Thúy N có đơn yêu cầu phản tố buộc ông Nguyễn Văn L hoàn trả cho bà N tổng số tiền là 4.106.000.000 đồng, yêu cầu trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Ngày 13/01/2022, bà Lê Thị Thúy N có đơn yêu cầu phản tố bổ sung, yêu cầu ông Nguyễn Văn L phải trả cho bà N thêm số tiền vay năm 2015 và năm 2016 là 3.235.766.000 đồng.

- Ngày 16/3/2022 bà Lê Thị Thúy N có đơn yêu cầu phản tố bổ sung, yêu cầu ông Nguyễn Văn L phải trả cho bà N số tiền lãi phát sinh trên vốn vay từ năm 2015 đến năm 2019 tính đến ngày 31/12/2021 là 4.213.771.920 đồng, với mức lãi suất là 2%/tháng.

Ngày 16/3/2022 bà Lê Thị Thúy N rút 02 yêu cầu phản tố tại đơn yêu cầu phản tố ngày 12/12/2021, gồm: Rút yêu cầu buộc ông L trả 500.000.000 đồng, rút yêu cầu buộc ông L trả bà N giá trị 02 miếng đất tại thửa 553 và thửa 554, tờ bản đồ 173 thuộc xã L, huyện C. Như vậy, tại yêu cầu phản tố ngày 12/12/2021 bà N chỉ yêu cầu ông L trả cho bà số tiền 1.406.000.000 đồng.

Nay bà Lê Thị Thúy N yêu cầu ông Nguyễn Văn L trả cho bà số tiền vốn của các khoản vay từ năm 2015, 2016, 2017, 2018, 2019 là 4.641.766.000 đồng và lãi tạm tính đến ngày 31/12/2021 là 4.213.771.920 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 8.855.537.920 đồng. Lãi yêu cầu tiếp tục tính đến ngày xét xử sơ thẩm. Tiền lãi do chậm thi hành án thì đề nghị Tòa án tuyên theo quy định của pháp luật. bà N yêu cầu trả ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

- Đại diện bà N xác định số tiền bà N cho ông L vay của năm 2015, 2016, 2017, 2018 và năm 2019 là vay không kỳ hạn, bà N có yêu cầu nhưng ông L không trả. Nên nay bà N yêu cầu ông L trả lãi trên vốn vay của năm 2015, 2016, 2017, 2018 và năm 2019 tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm là 4.770.783.840 đồng.

Bản án dân sự sơ thẩm 261/2022/DS-ST ngày 27/6/2022 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

- Áp dụng Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 200, 202, điểm c Khoản 1 Điều 217, Khoản 1 Khoản 3 Điều 218, Khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 357, Điều 463, Khoản 1 Khoản 4 Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Khoản 2, Khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

1.1. Buộc bà Lê Thị Thúy N trả cho Nguyễn Văn L số tiền là 4.690.833.333đ (Bốn tỷ sáu trăm chín mươi triệu tám trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng). Trong đó nợ gốc là 3.900.000.000đ (Ba tỷ chín trăm triệu đồng), nợ lãi là 790.833.333đ (Bảy trăm chín mươi triệu tám trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng) theo Hợp đồng vay tiền ngày 17/12/2019. Trả một lần toàn bộ số tiền trên ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Lê Thị Thúy N ngày 12/12/2021 yêu cầu ông Nguyễn Văn L hoàn trả cho bà số tiền vay của năm 2017, 2018, 2019 là 1.406.000.000đ (Một tỷ bốn trăm lẻ sáu triệu đồng); Không chấp nhận yêu cầu phản tố bổ sung ngày 13/01/2022 của bị đơn bà Lê Thị Thúy N yêu cầu ông Nguyễn Văn L phải trả cho bà Lê Thị Thúy N số tiền vay năm 2015 và năm 2016 là 3.235.766.000đ (Ba tỷ hai trăm ba mươi lăm triệu bảy trăm sáu mươi sáu nghìn đồng); Không chấp nhận yêu cầu phản tố bổ sung ngày 16/3/2022 của bị đơn bà Lê Thị Thúy N yêu cầu ông Nguyễn Văn L phải trả cho bà N số tiền lãi phát sinh trên vốn vay của năm 2015, 2016, 2017, 2018 và năm 2019 là 4.770.783.840đ (Bốn tỷ bảy trăm bảy mươi triệu bảy trăm tám mươi ba nghìn tám trăm bốn mươi đồng).

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện bổ sung ngày 18/5/2021 của nguyên đơn ông Nguyễn Văn L yêu cầu bà Lê Thị Thúy N trả số tiền 1.600.000.000đ (Một tỷ sáu trăm triệu đồng) và tiền lãi.

Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

4. Đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn bà Lê Thị Thúy N đối với yêu cầu buộc ông Nguyễn Văn L trả cho bà Lê Thị Thúy N số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng) và yêu cầu phản tố buộc ông Nguyễn Văn L trả bà Lê Thị Thúy N 2.200.000.000đ (Hai tỷ hai trăm triệu đồng) mà Nhi thanh toán nợ 02 mảnh đất tại thửa 553 và thửa 554, tờ bản đồ 173 thuộc xã L, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 07/2021/QĐ-BPKCTT ngày 12/10/2021 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "Phong tỏa tài khoản tại ngân hàng". Phong tỏa số tiền 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng) đối với tài khoản tiết kiệm số 060272645097 của bà Lê Thị Thúy N tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Tân Phú - PGD Phú Thọ Hòa; Địa chỉ: 4, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 08/2021/QĐ-BPKCTT ngày 13/10/2021 của Tòa án nhân

dân quận Bình Tân về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "Phong tỏa tài khoản tại ngân hàng". Phong tỏa số tiền 555.524.062đ (Năm trăm năm mươi lăm triệu năm trăm hai mươi bốn nghìn không trăm sáu mươi hai đồng) đối với tài khoản số 060092676539 của bà Lê Thị Thúy N tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Tân Phú - PGD Tân Quý; Địa chỉ: 3 phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Thúy N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 230.103.383đ (Hai trăm ba mươi triệu một trăm lẻ ba nghìn ba trăm tám mươi ba đồng), được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 160.517.546đ (Một trăm sáu mươi triệu năm trăm mười bảy nghìn năm trăm bốn mươi sáu đồng) mà bà N đã nộp theo các biên lai thu số 0033091 ngày 23/12/2021, 0033438 ngày 24/02/2022 và 0033642 ngày 21/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân. Bà Lê Thị Thúy N còn phải tiếp tục nộp 69.585.837đ (Sáu mươi chín triệu năm trăm tám mươi lăm nghìn tám trăm ba mươi bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ông Nguyễn Văn L tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà ông Nguyễn Văn L đã nộp là 56.210.520đ (Năm mươi sáu triệu hai trăm mười nghìn năm trăm hai mươi đồng) theo biên lai thu số 0063168 ngày 09/3/2021 và 36.275.200đ (Ba mươi sáu triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn hai trăm đồng) theo biên lai thu số 0063759 ngày 19/5/2021của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân.

7. Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, về thủ tục thi hành khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngày 29/6/2022, bà Lê Thị Thúy N kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 261/2022/DS-ST ngày 27/6/2022 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn và bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Lý do: Hợp đồng vay tiền ngày 17/12/2019 tuy bà có ký nhưng thực tế không giao nhận tiền hay chuyển khoản, chỉ là giấy để đảm bảo ông L không phải trả khoản nợ vay 7.200.000.000 đồng lúc chồng bà còn sống, đã trả được 1.200.000.000 đồng; bà có cho ông L vay hơn 4.400.000.000 đồng là có thật và giao dịch qua ngân hàng, đều nói là cho vay.

Ngày 12/7/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân có Quyết định kháng nghị số 09/QĐ-VKS-DS với nội dung: Yêu cầu Tòa phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm về số nợ gốc mà bà N phải trả cho ông L. Lý do: Tòa án nhân dân quận Bình Tân chưa thu thập chứng cứ làm rõ giá trị cấn trừ đối với hai quyền sử dụng đất là bao nhiêu mà chỉ căn cứ vào trình bày của ông L; nghĩa vụ trả nợ 6 tỷ đồng của bà N theo Hợp đồng ngày 17/12/2019 đã chấm dứt, bà N chỉ còn phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ 3.500.000.000 đồng theo Hợp đồng là Văn bản thỏa thuận ngày 25/01/2021; Hợp đồng ngày 25/01/2021 vẫn còn hiệu lực pháp luật và có giá trị chứng cứ chứng minh nhưng Tòa sơ thẩm sử dụng Hợp đồng ngày 17/12/2019 làm căn cứ giải quyết; Văn bản thỏa thuận ngày 25/01/2021 ông L xác nhận đã thanh toán công nợ bằng hai quyền sử dụng đất,

số công nợ còn lại là 3.500.000.000 đồng, sau khi ký thỏa thuận bà N đã thanh toán cho ông L 500.000.000 đồng, như vậy nợ gốc bà N còn nợ ông L là 3.000.000.000 đồng. Tòa sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông L về việc buộc bà N phải thanh toán số tiền nợ gốc 3.900.000.000 đồng là không phù hợp với thỏa thuận của các bên và không đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo không rút kháng cáo, các đương sự không hòa giải được.

Ngày 19/12/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định số 01/QĐ-VKS-DS rút toàn bộ Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 09/QĐ-VKS-DS ngày 12/7/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Bình Tân.

Đại diện bị đơn trình bày đề nghị hủy bản án sơ thẩm do bỏ sót người tham gia tố tụng là ông Lê Tàu, bà Sinh và 2 trẻ ghi tại hợp đồng vay ngày 17/12/2019. Giá trị hai thửa đất ở Cần Giờ hai bên khai về giá khác nhau nhưng sơ thẩm không tiến hành định giá. Yêu cầu phản tố về các giao dịch từ năm 2015, 2016 đến 2019 bị đơn chuyển tiền cho nguyên đơn là hợp đồng vay.

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn trình bày: Yêu cầu phản tố của bị đơn là không có cơ sở. Bị đơn không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ cũng như lập luận làm căn cứ cho yêu cầu kháng cáo của mình. Giai đoạn phúc thẩm, hai bên cùng ký "Văn bản hủy bỏ văn bản thỏa thuận" được công chứng để hủy bỏ "Văn bản thỏa thuận" ngày 25/01/2021, nghĩa vụ giữa các bên theo nội dung "Văn bản thỏa thuận" ngày 25/01/2021 không còn. Án sơ thẩm giải quyết phù hợp các tình tiết khách quan và có căn cứ pháp luật. Đề nghị bác kháng cáo của bị đơn và giữ y bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát sau khi phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, phân tích nhận định về nội dung kháng cáo, đã nhận xét và đề nghị như sau:

- Về tố tụng: Giai đoạn phúc thẩm, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự được đảm bảo để thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân. Về kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở, đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Kháng nghị số 09/QĐ-VKS-DS ngày 12/7/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân và kháng cáo ngày 29/6/2022 của bị đơn được thực hiện đảm bảo đúng quy định về thời hạn và thủ tục. Thẩm quyền giải quyết vụ án sơ thẩm đã xác định đúng, đã đưa đủ người tham gia tố tụng, việc thực hiện tống đạt các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Ngày 19/12/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định số 01/QĐ-VKS-DS rút toàn bộ Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 09/QĐ-VKS-DS ngày 12/7/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 289 và Điều 295 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện kiểm sát.

[3] Chứng cứ nguyên đơn chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là "Hợp đồng vay tiền" ngày 17/12/2019. Hợp đồng này được nguyên đơn và bị đơn cùng thừa nhận ký tên, nội dung nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền 6 tỷ đồng, thời hạn vay là 6 tháng từ ngày 17/12/2019, không lãi. Tại hợp đồng có ghi xác định *"Đây là tổng số tiền bên B mượn riêng bên A nhiều lần, đến hôm nay là sáu tỷ"*. Bên B là bị đơn trước khi ký tên có ghi *"Đã đọc rõ và đã nhận đủ số tiền là 6 tỷ"*.

[4] Xét trình bày của bị đơn tại đơn kháng cáo và những tài liệu bị đơn cung cấp để bác bỏ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bị đơn cho rằng có ký hợp đồng vay tiền ngày 17/12/2019 nhưng thực tế không giao nhận gì về tiền mặt. Xét thời điểm hai bên ký hợp đồng ngày 17/12/2019 không có sự việc giao nhận tiền tại thời điểm ký hợp đồng là đúng, vì hợp đồng này hai bên ký để quyết toán số tiền nợ trước đó nên được hai bên ghi nhận nội dung là*"Đây là tổng số tiền bên B mượn riêng bên A nhiều lần, đến hôm nay là sáu tỷ"*. Bị đơn ký và tự ghi nhận đã nhận đủ số tiền 6 tỷ. Không có căn cứ nào để bác bỏ nội dung bị đơn đã ký hợp đồng và thừa nhận đã nhận đủ số tiền vay.

[5] Sau khi ký hợp đồng vay tiền ngày 17/12/2019, hai bên lại cùng nhau ký "Văn bản thỏa thuận (về việc thỏa thuận giải quyết công nợ)" ngày 25/01/2021 tại Văn phòng Công chứng. Nội dung thể hiện hai bên xác định bị đơn đã thanh toán một phần nợ cho nguyên đơn bằng hai thửa đất tại C, số tiền nợ còn lại là 3.500.000.000 đồng được trả bằng 4 đợt với thỏa thuận về cách thức và thời gian thanh toán cụ thể.

Với chứng cứ là "Văn bản thỏa thuận (về việc thỏa thuận giải quyết công nợ)" ngày 25/01/2021 lại một lần nữa chứng minh về khoản nợ của bị đơn theo hợp đồng vay tiền ngày 17/12/2019. Bị đơn đã thực hiện một phần nghĩa vụ trả nợ bằng việc thỏa thuận trả bằng hai thửa đất và trả bằng tiền mặt số tiền 500.000.000 đồng cho nguyên đơn. Bị đơn nếu không thiếu nợ thì không có lý do gì lại phải đi thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn như trên.

[6] Theo trình bày của nguyên đơn phù hợp với nội dung tại "Bảng tường trình" ngày 12/4/2021 của bị đơn (Bút lục 510), bà N thừa nhận khi hai bên ra công chứng ngày 25/01/2021 để ký thỏa thuận giải quyết công nợ thì ông L giảm 900.000.000 đồng nợ cho bà N nên số tiền nợ còn lại là 3.500.000.000 đồng.

Như vậy, số tiền giá trị hai thửa đất trừ nợ là 1.600.000.000 đồng là phù hợp và chính xác (*Nợ còn lại 3.500.000.000 đồng + giảm 900.000.000 đồng + giá trị của hai thửa đất là 1.600.000.000 đồng = 6 tỷ đồng*). Bị đơn cho rằng giá trị hai thửa đất bằng 2.200.000.000 đồng là không có căn cứ.

[7] Tại "Biên bản đối chất" ngày 29/12/2021 (BL 535-537) nguyên đơn và bị đơn đồng ý hủy bỏ "Văn bản thỏa thuận" ngày 25/01/2021 với lý do hai bên chưa thực hiện xong thỏa thuận; Tại Thông báo ngày 03/3/2021, bà Lê Thị Thúy N đã thông báo đến Văn phòng công chứng và ông Nguyễn Văn L về nội dung hủy bỏ "Văn bản thỏa thuận" ngày 25/01/2021. Giai đoạn phúc thẩm, đương sự cung cấp "Văn bản hủy bỏ văn bản thỏa thuận" được công chứng nội dung hai bên cùng ký văn bản để hủy bỏ "Văn bản thỏa thuận" ngày 25/01/2021. Như vậy các nội dung tại "Văn bản thỏa thuận" ngày 25/01/2021 không còn giá trị ràng buộc hai bên. Đồng thời, điều kiện để ông L giảm 900.000.000 đồng nợ cho bà N đã không được thực hiện nên nội dung thỏa thuận giảm nợ này không còn giá trị thực hiện.

[8] Đối với nội dung kháng cáo về các yêu cầu phản tố của bị đơn: Toàn bộ các bản sao kê ngân hàng nội dung bị đơn chuyển tiền cho nguyên đơn và giấy vay nợ do bị đơn cung cấp, tất cả các giao dịch này đều xảy ra trước thời điểm hai bên tất toán nợ tại hợp đồng vay ngày 17/12/2019. Do hai bên đã quyết toán nợ đến ngày 17/12/2019, bị đơn đã thừa nhận số nợ đến ngày 17/12/2019 nay bị đơn đưa ra các khoản thanh toán, giao dịch trước đó để yêu cầu phản tố là không có cơ sở chấp nhận. Chỉ các khoản thanh toán nào phát sinh sau ngày 17/12/2019, là thời điểm hai bên tất toán nợ, thì mới có căn cứ xem xét chấp nhận cho bị đơn.

[9] Về các file tin nhắn trên số điện thoại bị đơn cung cấp để chứng minh giao dịch giữa bị đơn với nguyên đơn là cá độ, cờ bạc. Cấp sơ thẩm đã thu thập chứng cứ nhưng không chứng minh được đây là số điện thoại của nguyên đơn. Bị đơn không có tài liệu chứng cứ nào khác chứng minh về các giao dịch bất hợp pháp này nên không có cơ sở xác định và không đủ căn cứ để chứng minh.

[10] Xét trình bày của đại diện bị đơn về đề nghị hủy bản án sơ thẩm do vi phạm tố tụng là không có cơ sở, bởi vì ông Lê T, bà S và 2 trẻ như đại diện bị đơn nêu, những người này không có liên quan gì về quyền lợi hay nghĩa vụ trong phạm vi có tranh chấp phải giải quyết tại vụ án.

Án sơ thẩm đã giải quyết yêu cầu của các đương sự phù hợp với chứng cứ thu thập được và đúng pháp luật nên kháng cáo của bị đơn không có căn cứ chấp nhận, như ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 308; Điểm b Khoản 1 Điều 289 và Điều 295 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 357, Điều 463, Khoản 1 Khoản 4 Điều 466, Điều 468 Bộ

luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự;

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Kháng nghị số 09/QĐ-VKS-DS ngày 12/7/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 261/2022/DS-ST ngày 27/6/2022 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

1.1. Buộc bà Lê Thị Thúy N trả cho Nguyễn Văn L số tiền là 4.690.833.333đ (Bốn tỷ sáu trăm chín mươi triệu tám trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng). Trong đó nợ gốc là 3.900.000.000đ (Ba tỷ chín trăm triệu đồng), nợ lãi là 790.833.333đ (Bảy trăm chín mươi triệu tám trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng) theo Hợp đồng vay tiền ngày 17/12/2019. Trả một lần toàn bộ số tiền trên ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Lê Thị Thúy N ngày 12/12/2021 yêu cầu ông Nguyễn Văn L hoàn trả cho bà số tiền vay của năm 2017, 2018, 2019 là 1.406.000.000đ (Một tỷ bốn trăm lẻ sáu triệu đồng); Không chấp nhận yêu cầu phản tố bổ sung ngày 13/01/2022 của bị đơn bà Lê Thị Thúy N yêu cầu ông Nguyễn Văn L phải trả cho bà Lê Thị Thúy N số tiền vay năm 2015 và năm 2016 là 3.235.766.000đ (Ba tỷ hai trăm ba mươi lăm triệu bảy trăm sáu mươi sáu nghìn đồng); Không chấp nhận yêu cầu phản tố bổ sung ngày 16/3/2022 của bị đơn bà Lê Thị Thúy N yêu cầu ông Nguyễn Văn L phải trả cho bà N số tiền lãi phát sinh trên vốn vay của năm 2015, 2016, 2017, 2018 và năm 2019 là 4.770.783.840đ (Bốn tỷ bảy trăm bảy mươi triệu bảy trăm tám mươi ba nghìn tám trăm bốn mươi đồng).

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện bổ sung ngày 18/5/2021 của nguyên đơn ông Nguyễn Văn L yêu cầu bà Lê Thị Thúy N trả số tiền 1.600.000.000đ (Một tỷ sáu trăm triệu đồng) và tiền lãi.

Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

4. Đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn bà Lê Thị Thúy N đối với yêu cầu buộc ông Nguyễn Văn L trả cho bà Lê Thị Thúy N số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng) và yêu cầu phản tố buộc ông Nguyễn Văn L trả bà Lê Thị Thúy

N 2.200.000.000đ (Hai tỷ hai trăm triệu đồng) mà Nhi thanh toán nợ 02 mảnh đất tại thửa 553 và thửa 554, tờ bản đồ 173 thuộc xã L, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 07/2021/QĐ-BPKCTT ngày 12/10/2021 và Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 08/2021/QĐ-BPKCTT ngày 13/10/2021 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, để đảm bảo việc thi hành án.

6. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Thúy N phải chịu là 230.103.383đ (Hai trăm ba mươi triệu một trăm lẻ ba nghìn ba trăm tám mươi ba đồng), được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 160.517.546đ (Một trăm sáu mươi triệu năm trăm mười bảy nghìn năm trăm bốn mươi sáu đồng) mà bà N đã nộp theo các biên lai thu số 0033091 ngày 23/12/2021, 0033438 ngày 24/02/2022 và 0033642 ngày 21/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân. Bà Lê Thị Thúy N còn phải tiếp tục nộp 69.585.837đ (Sáu mươi chín triệu năm trăm tám mươi lăm nghìn tám trăm ba mươi bảy đồng).

Trả lại cho ông Nguyễn Văn L tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.210.520đ (Năm mươi sáu triệu hai trăm mười nghìn năm trăm hai mươi đồng) theo biên lai thu số 0063168 ngày 09/3/2021 và 36.275.200đ (Ba mươi sáu triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn hai trăm đồng) theo biên lai thu số 0063759 ngày 19/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân.

Án phí phúc thẩm: Bà Lê Thị Thúy N phải chịu 300.000 đồng, trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000 đồng (Biên lai thu AA/2021/0034437 ngày 29/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân).

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND quận Bình Tân;
- THADS quận Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng (T.20).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Hồng Giảng